TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 137/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 44/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đặng Nguyễn T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Nhà không số (89), phường ĐA, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bà Lê Hồng H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Khánh Hòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện MT tỉnh Đồng Tháp.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/01/2026 ông T và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 01 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông T và bà H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Đặng Nguyễn T và bà Lê Hồng H thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn 62 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện MT tỉnh Đồng Tháp cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Đặng M, sinh ngày 07/01/2022 giao cho ông Đặng Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục bà Lê Hồng H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng một tháng. Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi ông Đặng Nguyễn T có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Hồng H chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Đặng Nguyễn T và bà Lê Hồng H phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền lệ phí đã đóng tạm nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000372 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7;
- UBND xã K, huyện MT (nay là xã Đốc Binh Kiều) tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 7 - TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình